



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

05 (79) 2022

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe

CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 05 năm 2022

Năm thứ mười lăm

Mục lục

| | |
|---|-----------|
| Mở xẻ phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa tự nhiên trong nghiên cứu triết học tâm linh phương Tây <i>Nguyễn Hùng Vương, Mai Thị Hồng Liên</i> | 3 |
| An ninh con người trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng <i>Trần Hồng Lưu, Nguyễn Hữu Anh</i> | 14 |
| Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam <i>Vũ Thị Phương Giang, Nguyễn Thị Hoài Thanh</i> | 22 |
| Liên kết phát triển dịch vụ logistics tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung <i>Hồ Thị Kim Thùy, Phan Thị Sông Thương, Phạm Quốc Trí</i> | 29 |
| Phát huy tri thức bản địa của dân tộc Thái ở miền Tây Nghệ An trong phát triển du lịch <i>Lê Thị Bích Thủy</i> | 41 |
| Diễn trình hội nhập của người Cor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi <i>Phan Thùy Giang</i> | 48 |
| Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dòng họ: Nghiên cứu trường hợp dòng họ Nguyễn Tường tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam <i>Nguyễn Thị Hạnh</i> | 56 |
| Tiếp cận giáo dục phổ thông của học sinh người Cơ Tu trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng <i>Phạm Trung Hiếu, Lưu Thị Diệu Hiền</i> | 65 |
| Giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra <i>Trần Thị Thu Hiền</i> | 73 |

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 05 năm 2022

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiếu tháng 10/2022

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Bimonthly Review

No. 05, 2022

The 15th Year

Contents

| | |
|---|-----------|
| Examining the naturalistic approach in Western mystery philosophy <i>Nguyen Hung Vuong, Mai Thi Hong Lien</i> | 3 |
| Human security in the 13th National Party Congress documents <i>Tran Hong Luu, Nguyen Huu Anh</i> | 14 |
| Protection of intellectual property rights to trademarks by civil remedies in Vietnam <i>Vu Thi Phuong Giang, Nguyen Thi Hoai Thanh</i> | 22 |
| Linkages in development of logistics services in the Central key economic region <i>Ho Thi Kim Thuy, Phan Thi Song Thuong, Pham Quoc Tri</i> | 29 |
| Utilizing local knowledge of Thai people in tourism development in the West of Nghe An <i>Le Thi Bich Thuy</i> | 41 |
| Cor people's national integration into a unified Viet Nam in Tra Bong district, Quang Ngai province <i>Phan Thuy Giang</i> | 48 |
| Preservation and promotion of lineage culture's values: A case study of Nguyen Tuong family in Hoi An, Quang Nam <i>Nguyen Thi Hanh</i> | 56 |
| Co Tu students' access to general education in Hoa Vang, Da Nang city <i>Pham Trung Hieu, Luu Thi Dieu Hien</i> | 65 |
| Education on prevention of sexual harassment for secondary school students in Dien Ban town, Quang Nam province: The current situation and problems <i>Tran Thi Thu Hien</i> | 73 |

Mở xẻ phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa tự nhiên trong nghiên cứu triết học tâm linh phương Tây

Nguyễn Hùng Vương

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Mai Thị Hồng Liên

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: Philosophy.hv.ud@gmail.com

Tóm tắt: Đặc điểm cụ thể và rõ ràng nhất của những nghiên cứu về thiên phú của chủ nghĩa tự nhiên là hướng trực tiếp đến trái tim, hoặc xuất phát từ bản thân tâm linh, trực tiếp chỉ vào tâm linh và các kết cấu, cơ chế và điều kiện ở những tầng sâu thẳm của nó. Nó phóng đại những nghiên cứu thiên phú truyền thống, mục tiêu của nó tập trung vào tâm linh thiên phú, và không có giới hạn cho ý nghĩa nhận thức luận của “nhận thức thiên phú”. Tâm linh thiên phú không phải là một khẩu hiệu trống rỗng như mục tiêu hay đối tượng nghiên cứu, mà nó cũng có những tiêu chí cụ thể. Điều tiên nó đang cố gắng làm rõ vấn đề tiên khởi của tâm lý, nghĩa là những gì trước khi hình thành cuộc sống, là điểm khởi đầu hoặc là nền tảng cho sự xuất hiện và phát triển tâm lý về sau. Có lý do để nói rằng, loại nghiên cứu thiên phú này giống với khoa học nhận thức và triết học tâm linh, thậm chí cái trước là một bộ phận của cái sau. Không nghi ngờ gì nữa, đây là một thành tựu quan trọng và có ý nghĩa về hiểu biết tâm linh. So với phương Đông mà nói, nghiên cứu thiên phú ở phương Tây chỉ có thể là một loại hồi quy hoặc quá trình phát triển xoắn ốc, bởi vì lý thuyết nhập thế của Trung Quốc và Ấn Độ đều có lợi ích kép giữa nhận thức luận và triết học tâm linh, và làm sâu sắc thêm ý nghĩa tâm linh, và việc mở xẻ nó có ý nghĩa trong việc bù đắp sự thiếu hụt đang có trong nghiên cứu ở phương Tây hiện nay.

Keywords: Chủ nghĩa tự nhiên, tự nhiên hóa, chủ nghĩa thực tại, triết học tâm linh

Examining the naturalistic approach in Western mystery philosophy

Abstract: The most specific characteristic of naturalistic studies on innate abilities is going directly to the heart, or coming from the mind/spirit itself and the deep structure, mechanism, and conditions behind it. It amplifies traditional research on innate qualities that focuses on innate mind and unlimited epistemology of “innate cognition”. The innate mind is not an empty slogan; it has specific criteria. It clarifies primitive parts of psychology that mean things present before life begins as the starting point or foundation of psychological occurrence and development later. It is reasonable to say that research on innate abilities is in the same vein as ones into cognitive science and philosophy of the mind; and the former even becomes a part of the latter. There is no doubt that this is an important achievement of the understanding on mind. Compared with the East, researches on innate qualities in the West can only be called a return or spiral development since the integral theory of China and India has the dual interest in both epistemology and philosophy of mind. Besides, the theory deepens the philosophy of mind. Therefore, analyzing those studies complements deficiencies of Western research.

Key words: naturalism, naturalization, realism, philosophy of mind.

Ngày nhận bài: 25/4/2022

Ngày duyệt đăng: 10/9/2022

1. Đặt vấn đề

Sự thay đổi nhận thức của tâm lý học không chỉ mang đến một thời kỳ tươi đẹp cho sự phát triển của tâm lý học và triết học tâm linh, mà nó còn tiêu diệt chủ nghĩa hành vi – một trở ngại lớn trong nghiên cứu thiên phú, mở đường cho những bước phát triển mới trong nghiên cứu truyền thống về thiên phú. Các nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học là coi tâm linh như một cái máy (như một cái máy vi tính). Máy tính có khả năng hoàn thành công việc của nó, một mặt nó không thể làm việc mà không có đầu vào, mặt khác nó không thể tách khỏi chương trình ban đầu và trạng thái biểu trưng. Bằng cách này, thừa nhận thiên phú, và sau đó đi vào đào sâu khai thác những khả năng của tâm linh để nhận thức nhiều hơn về thiên phú, điều này có tính hợp lý khoa học. Tiếp theo đó là một loạt những thay đổi mang tính cách mạng trong nghiên cứu thiên phú, chẳng hạn như việc chuyển trọng tâm nghiên cứu thiên phú từ nghiên cứu vấn đề nhận thức luận đi đến nghiên cứu triết học tâm linh. Nói một cách dễ hiểu, nghiên cứu về tài năng mới của thiên phú lấy đối tượng thiên phú tâm linh, tập trung vào bản thân tâm linh. Bởi vì để trả lời cho sự nhận biết thiên phú, tình cảm... trước hết chúng ta phải hiểu được tâm linh là gì, làm thế nào để đi đến đó, cấu trúc và cơ chế ra sao, không chỉ hiểu rõ tâm linh ban đầu của cá nhân mà còn để nghiên cứu vấn đề tâm linh người trưởng thành. Theo cách này, nghiên cứu thiên phú không còn phụ thuộc vào phạm trù nhận thức luận, mà nó là một triết học nhận thức tâm linh thực sự. Cùng với điều này, nghiên cứu thiên phú đã trở nên phổ biến đối với chủ nghĩa tự nhiên hoặc tự nhiên hóa, chí ít là trong triết học Anh – Mỹ đã tồn tại điều đó. Vì trong chiều hướng này đã xuất hiện những tài nguyên mới, công cụ và phương pháp mới, do đó đã đạt được một số kết quả tích cực và có giá trị. Vì những kết quả này có giá trị quan trọng trong nghiên cứu, trao đổi học thuật của chúng ta, do đó, bài viết này sẽ đưa ra một sự lý giải quan trọng và mở xẻ phương pháp tiếp cận tự nhiên trong nghiên cứu vấn đề thiên phú phương Tây.

2. Chủ nghĩa tự nhiên và quá trình tự nhiên hóa trong nghiên cứu vấn đề thiên phú.

Xét về nguồn gốc thì thuật ngữ “chủ nghĩa tự nhiên” (Naturalism) xuất hiện vào những năm 40 của thế kỷ 17, ban đầu nó được hiểu là “hành động tự nhiên của bản năng”, đến năm 1750 nó mới bắt đầu được thể hiện dưới dạng một quan điểm triết học về thế giới quan và mối quan hệ giữa bản chất con người với thế giới. Sau những năm 1850 nó cũng từng bước được đề cập trong các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật (Harper: 2021). Người ta thường cho rằng, linh hồn và tinh thần là hạt nhân cốt lõi của chủ nghĩa tự nhiên đương đại, điều đó được thể hiện trong khẩu hiệu của W. Sellars: “khoa học là nền tảng của mọi thứ, là thước đo để đánh giá cho một cái gì đó đang tồn tại hoặc không” (Sellars: 1963, p.173). Phải thừa nhận rằng, khá nhiều nhà triết học ở Anh và Mỹ tự thừa nhận mình là những người theo chủ nghĩa tự nhiên, nhưng thực tế đầy thiếu sót là họ đã không đề xuất được một khái niệm thống nhất về chủ nghĩa tự nhiên, và nếu chúng ta hỏi bao nhiêu nhà triết học thuộc trường phái này thì sẽ có bấy nhiêu câu trả lời khác nhau (Sellars: 1963, p.173). Theo một khái quát của O. Flanagan thì thuật ngữ “chủ nghĩa tự nhiên” bao gồm 14 loại (Flanagan: 2006, p.430-452). Do những khái niệm liên quan cũng thiếu đi những lý giải rõ ràng và tường minh, nên “chủ nghĩa tự nhiên” thực sự là một khái niệm hỗn hợp với nhiều ý nghĩa, cách sử dụng và ý nghĩa của nó khác nhau trong những lĩnh vực không giống nhau.

Trong một số tài liệu, cách hiểu phổ biến nhất về “chủ nghĩa tự nhiên” là nó trái ngược với “chủ nghĩa siêu tự nhiên”, nghĩa là nó phủ nhận thần linh, linh hồn, ma, quỷ... Cũng có một cách hiểu cho rằng, “chủ nghĩa tự nhiên” là sự biểu thị tranh luận thực tiễn hoặc khái niệm (như thuộc tính quy phạm, tính ý hướng, khái niệm trừu tượng) được tiến hành trong học thuyết

tự nhiên hóa. Tôi tin rằng, chủ nghĩa tự nhiên vừa là một loại bản thể luận triết học, vừa là một loại nghiên cứu mang tính nguyên tắc và phương pháp luận, bao gồm phương diện phủ định và khẳng định. Nhìn từ phương diện phủ định, chủ nghĩa tự nhiên là sự phủ định của chủ nghĩa siêu nhiên, nghĩa là không có thần linh, thượng đế, không có những thứ siêu như linh hồn, ma, quỷ... Và như thế, bất kỳ quan điểm nào phi tự nhiên hoặc không phù hợp với quan điểm tự nhiên đều được coi là sai lầm. Nhìn từ phương diện khẳng định thì có hai chiều hướng. Về phương diện bản thể luận, cho rằng trên thế giới chỉ tồn tại những sự vật mà khoa học có thể giải thích được, và chỉ có những sự vật phù hợp với những khái niệm của khoa học thì mới tồn tại, ngược lại thì nó không tồn tại. Điều này nhấn mạnh rằng chủ nghĩa tự nhiên là hệ thống các quan điểm về những gì đang tồn tại trên thế giới. Còn về phương diện nhận thức luận hoặc phương pháp luận, thì cho rằng mọi sự vật tồn tại thuộc về tự nhiên, chính vì vậy mà chúng ta chỉ có thể sử dụng các yếu tố tự nhiên, quy luật tự nhiên, lực lượng tự nhiên và phương pháp tự nhiên để lý giải và tiên đoán. Thảo luận triết học và nghiên cứu khoa học vốn có tính liên tục, điều này cũng nhấn mạnh rằng, chủ nghĩa tự nhiên cũng là một loại lý giải và phương pháp. Chủ nghĩa tự nhiên như là một nghiên cứu có tính chất cương lĩnh và phương pháp, nó thích hợp cho nghiên cứu những vấn đề về các hiện tượng cơ bản, với những thuộc tính cơ bản như đạo đức học, tâm lý học, triết học tâm linh... điều mà chúng tôi quan tâm ở đây là chủ nghĩa tự nhiên trong triết học tâm linh.

Trong triết học tâm linh, hoạt động cơ bản của chủ nghĩa tự nhiên là tự nhiên hóa tâm linh. Chúng tôi biết rằng, các sự vật và hiện tượng trên thế giới có sự khác biệt cơ bản hoặc không cơ bản về thuộc tính của chúng. Đối với bản thể luận đã được nghiên cứu và công nhận bởi các nhà khoa học và vật lý học, vì vậy không cần phải làm rõ lại. Nhưng về nhận thức luận chúng ta cần làm rõ. Để hiểu được nó thì chúng ta cần phân tích nó và mối quan hệ của các thuộc tính của nó. Có hai trường hợp, một là trong quá trình phân tích chúng ta sẽ thấy được sự thống nhất của chúng về các thuộc tính cơ bản, hoặc là các điều kiện cần và đủ cho sự tồn tại của chúng, hoặc có thể giải thích một cách khoa học rằng chúng luôn gắn liền với các thuộc tính cơ bản, tính chất cơ bản, và sau đó nó được tự nhiên hóa. Về khái niệm mà nói, khái niệm thuộc tính không nhất thiết được giải thích theo các khái niệm, nguyên tắc, ngôn ngữ của khoa học tự nhiên, nếu nó có thể được tìm thấy trong tự nhiên, hoặc là có sự tương thích với hệ thống khái niệm hiện có của khoa học tự nhiên, hoặc chứng minh được rằng nó đang duy trì tính liên tục với những khái niệm cơ bản, và nó đạt được sự tự nhiên hóa. Những thứ có thể "tự nhiên hóa" thì nó luôn có một vị trí trong tự nhiên, nghĩa là nó tồn tại. Trường hợp thứ hai là trong phân tích, họ không tìm thấy tính liên tục của chúng với những thuộc tính cơ bản, ngay cả khi chúng có sự trái ngược với các thuộc tính cơ bản, thì chúng không tồn tại. Khái niệm và lý luận nếu không có chỗ đứng trong tòa trí tuệ của con người, thì nó cần phải được loại bỏ. Tóm lại, có hay không tự nhiên hóa được coi là một tiêu chuẩn của bản thể để đánh giá xem liệu sự vật có tồn tại hay không, và đương nhiên đó cũng là phương pháp quan trọng và hợp lý để lý giải về đối tượng.

Chủ nghĩa tự nhiên hướng đến mở rộng nghiên cứu về thiên phú đương đại, là khái niệm về thiên phú, lý luận hóa tự nhiên hoặc lý luận hóa. Cái mà họ gọi là lý luận hóa lý luận thiên phú là việc huy động các nguồn lực đa ngành, trình bày các vấn đề lý luận thiên phú, tư tưởng, kết luận mới một cách có hệ thống trên nền tảng tranh luận và thực nghiệm. Tự nhiên hóa lý luận thiên phú hiện đại bắt đầu từ Chomsky. Mặc dù lý thuyết ngôn ngữ thiên phú của ông chỉ tập trung nghiên cứu hiện tượng ngôn ngữ và nền tảng tâm lý sâu sắc của nó, nhưng những kết luận của nó luôn có giá trị trong việc giải thích các hiện tượng tâm lý, đặc biệt là

phương pháp tự nhiên mà ông sử dụng. Phương pháp và những kết luận thu được không chỉ làm đảo ngược các vấn đề nghiên cứu của chủ nghĩa kinh nghiệm về thiên phú, mà việc khám phá các tài nguyên ngôn ngữ của thiên phú trong tâm linh đã cho thấy rằng, từ nhiều tài nguyên thiên phú đã giúp nhận biết được nguồn gốc của thiên phú. Do đó, nó đã chỉ rõ sự chuyển hướng này và sau đó mở ra hướng đi mới có quy mô lớn. Về sau, các nhà triết học tâm linh và khoa học nhận thức đã mở rộng phạm vi nghiên cứu về tâm linh thiên phú để khám phá các vấn đề về con số, động vật, vật thể nhân tạo và đạo đức... Đó là Fodor, Stich... đã tiếp tục đưa việc nghiên cứu về thiên phú đi đúng hướng. Nó đã thu hút hàng chục nhà khoa học, triết học thuộc nhiều ngành khoa học khác nhau, chẳng hạn như P. Carruthers đã xuất bản thành công một công trình với tiêu đề "tâm linh thiên phú", và từ đó nó đã thúc đẩy cách tiếp cận tự nhiên trong nghiên cứu thiên phú thành một phong trào. Đối với những vấn đề và nội dung cơ bản có liên quan, cách tiếp cận mới và chủ yếu không phải là vấn đề nhận thức luận, mà là tìm kiếm các điều kiện tâm lý ban đầu để giải thích các hiện tượng tâm lý học trong thực tế. Theo lời của R. Samuels, cần phải tìm được tài nguyên và luận cứ nguyên bản trong cấu trúc tâm lý. Lấy ví dụ trong nghiên cứu lấy tài nguyên đạo đức của thiên phú, T. Simpson đã cho rằng, nghiên cứu này chỉ quan tâm đến trạng thái kết của quả nhận thức dẫn đến sự trưởng thành hoặc các thuộc tính tâm lý tạo nên trạng thái này (Carruthers, Laurence and Stich: 2007, p.136). Về mặt đối tượng mà nói, cách tiếp cận mới dựa trên tâm linh thiên phú, tập trung chủ yếu vào bản thân tâm linh. Bởi vì bạn phải trả lời cho những người không có kiến thức về tâm linh, tình cảm... Trước hết chúng ta phải hiểu tâm linh là gì, nó đến từ đâu, có kết cấu và cơ chế như thế nào, không chỉ làm rõ tâm linh ban đầu của cá nhân mà còn phải nghiên cứu tâm linh của những người đã trưởng thành. Nói một cách dễ hiểu, nó không chỉ tập trung vào các cuộc tranh luận về thiên phú, lý thuyết kinh nghiệm và liệu ai đúng, ai sai, mà chuyển sang nghiên cứu cấu trúc tâm lý để xác định, khám phá phong cách, thành phần, bản chất, đặc điểm... trong sự phát triển nhận thức của con người (Carruthers, Laurence and Stich: 2007, p.4). Theo Carruthers và những người khác thì, nghiên cứu thiên phú sau quá trình biến đổi đã liên quan đến "vấn đề cơ bản" của lý thuyết thiên phú (Carruthers, Laurence and Stich: 2007, p.8). Chẳng hạn như mối liên hệ giữa thiên phú và gen, vai trò của khái niệm thiên phú trong tư duy triết học và lý luận nhận thức, và phải đối xử như thế nào với "thuyết gen trung tâm"? (quan điểm cơ bản của họ là chỉ có gen di truyền mới có thể giải thích được các hiện tượng di truyền với những thuộc tính phức tạp). Các gen liệu có thể hiểu như sự biểu thị mã hóa thông tin? Những bằng chứng nào có thể giúp chúng ta chứng minh được năng lực nhận thức thiên phú? Sự thay đổi lớn nhất trong các vấn đề của chủ nghĩa tự nhiên đương đại là nó không còn chỉ tập trung duy nhất vào nhận thức luận, mà là một loạt các loại siêu hình học, triết học tâm linh, tâm lý học phát triển, nhân học...

3. Nghiên cứu thiên phú và tính liên tục của khoa học tự nhiên.

Theo cương lĩnh nghiên cứu của chủ nghĩa tự nhiên, mọi nghiên cứu không cơ bản thì chủ sử dụng các kết quả và phương pháp của khoa học để duy trì tính liên tục của khoa học hoặc trở thành một phần mở rộng của khoa học và tính hợp lý của nó, và chỉ khi nó có một chỗ đứng hợp pháp trong lý trí của nhân loại nếu không nó sẽ bị loại bỏ. Phương pháp nghiên cứu tự nhiên luôn theo đúng với nguyên tắc này. Do đó, về phương pháp luận nó đã biểu hiện rõ đặc điểm này, nghĩa là nó chống lại phép ẩn dụ và cách nhận biết cấu trúc thiên phú của tâm linh, mặc dù đã có không ít các cuộc thảo luận khoa học, nhưng rõ ràng đây là một phương pháp liên ngành hóa, coi trọng việc sử dụng phương pháp thực nghiệm, nhấn mạnh việc khai thác, phân tích và suy luận trong các tài liệu thực nghiệm đã có từ các ngành khoa học cụ thể.

Những người ủng hộ nó không chỉ thực hiện những nghiên cứu dựa trên kinh nghiệm riêng biệt của họ, mà còn sử dụng rộng rãi các thành tựu mới nhất trong lĩnh vực khoa học nhận thức, khoa học thần kinh, sinh học tiến hóa và nhân học. Carruthers đã từng nói rằng, “trong 50 năm qua, nếu chúng ta có những hiểu biết thật sự về bản chất của tâm linh, thì công lao đó thuộc về những nghiên cứu kinh nghiệm (Carruthers, Laurence and Stich: 2007, p.6). Những nghiên cứu thiên phú của chủ nghĩa tự nhiên ngày nay thuộc về lĩnh vực nghiên cứu của triết học tâm linh, nhưng tâm lý học, tâm lý học nhận thức, khoa học thần kinh, trí tuệ nhân tạo, sinh học và cả những nghiên cứu văn hóa đều có vai trò quan trọng và không thể thay thế. Không chỉ có như vậy, giữa chúng có sự kết hợp hữu cơ để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của chủ nghĩa tự nhiên đối với vấn đề thiên phú.

Sự phát triển của khoa học sinh học đã đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu tâm linh thiên phú. Trong nửa sau thế kỷ 20, các nhà triết học và sinh học đã áp dụng các lý thuyết và phương pháp sinh học tiến hóa và nghiên cứu hành vi và nhận thức của con người, dẫn đến cái gọi là “bước ngoặt sinh vật học hoặc sự chuyển hướng” trong triết học tâm linh. Ngoài ý nghĩa triết học, nghiên cứu này còn có ý nghĩa cho các khoa học cụ thể. Khi nghiên cứu phát triển, làm xuất hiện số lượng lớn các bộ môn mới. Nếu như sinh học xã hội ra đời trước, sau đó là sự xuất hiện của “sinh thái học hành vi”. Họ tin rằng, hành vi con người có thể như vậy là bởi vì một số hành vi là sự biểu hiện sự phù hợp của tài năng. Nói cách khác, những hành vi này là có lợi cho con người trong quá trình tiến hóa, vì vậy mà đạt được sự tiến hóa và bảo lưu được những điều tốt đẹp trong chọn lọc tự nhiên (Carruthers, Laurence and Stich: 2007, p.6).

Tâm lý học tiến hóa là một xu hướng nghiên cứu mới, một loại nghiên cứu có sự chông chéo, đan xen nhau, xuất hiện từ những năm 1980 của thế kỷ 20, nhằm cố gắng tích hợp các nghiên cứu thiên phú trong truyền thống với sinh học xã hội. Những gì nó nói đến không còn là những hành vi của bản thân, mà là những cơ chế đằng sau hành vi hoặc sự quyết định hành vi, quan điểm mới của nó là: Sự chọn lọc tự nhiên đã tạo ra cho chúng ta một số lượng lớn các thích ứng phù hợp với sự tiến hóa trong những lĩnh vực cụ thể, và chính khả năng này đã cho phép mỗi chúng ta tạo ra những hành vi phù hợp trong từng điều kiện cụ thể. Theo lý thuyết này thì con người được chọn lọc trong quá trình tiến hóa để để nhận thức được các cơ chế, và sự tương tác giữa chúng cho phép con người thực hiện các hành vi có lợi cho sự sống còn. Nói một cách dễ hiểu hơn, sự tiến hóa đã trang bị cho con người những chức năng và cơ chế thiên phú riêng có. Các chức năng và cơ chế này tạo ra các hành vi phù hợp thông qua tương tác với niềm tin trong những điều kiện cụ thể. Hành vi và nhận thức đều bị quyết định bởi lịch sử tiến hóa, cũng như áp lực chọn lựa của chúng ta, và cũng bị giới hạn bởi nó. Về vai trò của tiến hóa đối với khả năng thiên phú, cơ chế và bản chất của thiên phú là do tiến hóa tạo ra, mặc dù điều này vẫn còn nhiều tranh cãi, nhưng vẫn có sự đồng thuận rộng rãi, nhìn chung đã có sự thừa nhận rằng áp lực của tiến hóa đang đóng vai trò quyết định nội dung nhận thức thiên phú của chúng ta.

Nghiên cứu về tâm linh thiên phú đã có nhiều đổi mới về phương pháp luận. Đổi mới rõ ràng nhất thể hiện trong những lập luận nghèo nàn của Chomsky. Ông ta nhấn mạnh rằng, các kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức, sự kích thích từ môi trường, và sự học tập, giáo dục... của trẻ em đều không thể được giải thích đầy đủ. Bởi vì môi trường và sự tác động của nó không cung cấp đầy đủ thông tin cho phép chúng ta có thể giải thích được đầy đủ kỹ năng ngôn ngữ của con người. Tóm lại, việc giải thích hiệu ứng kích thích còn thiếu cơ sở. Kết luận chỉ có thể là, kỹ năng ngôn ngữ và kiến thức của trẻ là tài năng thiên phú. Nhiều tranh luận thiên phú hiện nay đều kế thừa nền tảng lý luận nói trên để sáng tạo và phát huy (Carruthers, Laurence

and Stich: 2007, p.134-135). Lập luận theo sự tiến hóa là hình thức phổ biến nhất. Một số nhà lý luận nhấn mạnh: “đối với các nhà tâm lý học tiến hóa mà nói, lý thuyết về tấm bản trắng là sai về mặt lý thuyết (bởi vì cấu trúc tấm bản trắng có thể cản trở nghiêm trọng đến sự tiến hóa) và vi phạm những bằng chứng trong những nghiên cứu so sánh” (Carruthers, Laurence and Stich: 2005, p.6). Các nghiên cứu của Darwin và các nhà nghiên cứu về sự tiến hóa sau này trên một số lượng lớn các loài đã chỉ ra rằng: các sinh vật có những biểu hiện về kiến thức và khả năng không đến từ lịch sử ra đời của nó. Nghĩa là, kiến thức này không liên quan đến môi trường cũng như sự tác động của nó trong quá trình sinh trưởng, lớn lên của cá nhân. Loại tri thức này được giải thích do sự chọn lọc tự nhiên.

Giải thích năng lực thiên phú hoặc những tri thức cụ thể là một trong những đặc điểm quan trọng trong tranh luận về vấn đề năng lực thiên phú đương đại. Ví dụ như J. Greene đã ủng hộ những nghiên cứu về “kết cấu đạo đức tâm linh” (Greene: 2005, p.338-350), người ta tin rằng tính thiên phú của đạo đức cần được nghiên cứu thông qua cấu trúc tâm lý của đạo đức, nhấn mạnh rằng để nghiên cứu khả năng tự nhiên của những phán đoán đạo đức, chúng ta phải bắt đầu từ những nghiên cứu cấu trúc tâm lý đạo đức. Trong quá trình nghiên cứu tâm lý học đạo đức, nhận thức của khoa học thần kinh là không thể thiếu được. Bởi vì nhiều lĩnh vực nghiên cứu coi nghiên cứu tâm linh là một “hộp đen”, và ủng hộ những suy luận về trạng thái trong hộp đen bằng những quan sát hành vi của con người, và khoa học thần kinh thâm nhập sâu hơn vào nghiên cứu tâm linh, cố gắng mở hộp đen, và sau đó sử dụng phương pháp vật lý để hiểu về quá trình và cơ chế hoạt động của nó. Greene đã kiểm tra kết quả các nghiên cứu cấu trúc tâm lý học đạo đức trong nhận thức khoa học thần kinh và cho rằng: trong phán đoán đạo đức của con người luôn chứa đựng yếu tố thiên phú. Không có yếu tố này thì sẽ khó có bất kỳ một phán đoán đạo đức nào (King: 1994, p.339). Ông cũng tiến hành khảo sát, kiểm tra thành quả nghiên cứu của Damasio và các cộng sự về lĩnh vực khoa học nhận thức trong một số trường hợp đặc biệt. Ví dụ có một người tên là Euiot, anh ta là một người bị tổn thương não sau một vụ tai nạn. Trong nhiều tình huống anh ta vẫn có thể trả lời rất tốt các câu hỏi của chúng ta một cách bình thường nhưng anh ta không thể đưa ra các quyết định liên quan đến đời sống xã hội và đạo đức. Có thể suy ra rằng bệnh nhân chỉ tổn hại cục bộ, do đó một số chức năng bị tổn hại, một số chức năng khác vẫn hoạt động bình thường, nghĩa là chỉ có “trung tâm đạo đức” bị hư hại. Ông nói: “Những tài liệu này đã chỉ ra rằng, có những hệ thống điều khiển nhận thức riêng biệt trong não, một trong số đó đã hạn chế các phán đoán đạo đức của con người. Đương nhiên là chúng ta không có đủ bằng chứng để tin rằng có một Module hoặc năng lực chuyên môn trong đánh giá đạo đức” (Greene: 2005, p.341).

Các nghiên cứu mới về tâm linh thiên phú không chỉ quan tâm đến lịch sử phát triển và cấu trúc của tâm linh mà còn quan tâm đến cấu trúc và cơ chế hoạt động của bộ não. Ví dụ như các trường hợp nghiên cứu về tâm lý đạo đức thiên phú. Có một số người nhấn mạnh rằng: Các phán đoán đạo đức không thể tách rời khỏi hệ thống cảm xúc và các nhận thức tương ứng của con người. Do đó, để hiểu được căn nguyên, cơ sở, quá trình hình thành và phương pháp phán đoán đạo đức, chúng ta phải thâm nhập vào các hệ thống này trong bộ não con người. Và một khi chúng ta làm được điều đó, thì bạn sẽ thấy được yếu tố thiên phú ở trong đó. Mọi người thường sử dụng thuật ngữ trong khoa học nhận thức để gọi thiên phú này như là một loại Module (Greene: 2005, p.351). Module này đến từ đâu? Chắc chắn không phải là sản phẩm của sự phát triển tâm lý và thể chất của cá nhân, cũng không có được nhờ sự học tập khổ luyện, được hưởng thụ từ một nền giáo dục hiện đại mà là từ bẩm sinh. Ông ta nói: “Nếu không có số lượng lớn các quá trình thích ứng sinh học chuyên biệt thì không thể

tạo ra các cấu trúc Module với quy mô lớn. Nếu như vậy, sự xuất hiện các tư tưởng đạo đức của con người phần lớn được hình thành từ sự phát triển của tâm trí con người". Nói theo một cách khác, những ý tưởng đạo đức không thể được viết lên tấm bảng trắng tâm trí bằng kinh nghiệm. "Những phán đoán đạo đức của chúng ta phụ thuộc rất nhiều vào những khoảng trống trong cấu trúc nhận thức của chúng ta" (Greene: 2005, p.351). Nói tóm lại, "sự hình thành các lý thuyết đạo đức chủ yếu xuất phát bởi kết cấu thiên phú trong tâm trí con người, và một số khuynh hướng cơ bản tiền xã hội có thể cung cấp những nội dung đạo đức thiên phú cho con người" (Greene: 2005, p.351).

Phân tích nhận thức trực giác cũng là một đặc điểm của nghiên cứu tâm trí thiên phú. Một quan điểm cho rằng, nếu không có sự công nhận tài năng thiên phú thì nhận thức trực giác của con người không thể hoặc không có khả năng đạt được sự hiểu biết. Bởi vì hình ảnh đi vào thị giác luôn thay đổi bởi sự thay đổi của ánh sáng, chúng tác động liên tục, chưa có hình ảnh, chưa có kết cấu và cũng chưa có đặc điểm hình thái. Điều đó có nghĩa là, các kích thích đối với thị giác "bản thân nó không đủ để tạo thành một cấu trúc phản ánh đầy đủ thế giới bên ngoài", nhưng sau khi được kích thích, thị giác chỉ nhận biết đối tượng với những đặc điểm riêng có như màu sắc, hình dạng, cấu trúc và trong mối quan hệ tương quan cụ thể nhưng không thể nhận thức được tính bản chất của đối tượng. Chính vì vậy, nếu chỉ dựa trên những thông tin, hình ảnh truyền đến mà không có tâm trí thiên phú, thì nhận thức trực quan không thể mang đến hiểu biết (Scholl: 2005, p.40-41). Tuy nhiên, nhận thức trực quan xảy ra một cách khách quan và nó có giá trị thành công ở người bình thường. Cho nên, nhất định là nó đã "sử dụng các ràng buộc nội tại, và những ràng buộc này nhất định phải được sinh ra trước khi được nhận thức" (Scholl: 2005, p.1-42). Đương nhiên đã có những cách giải thích khác nhau trong sự thành công của nhận thức tri giác trong quá khứ. Một trong những giải thích trong lịch sử được cung cấp bởi thuyết thị giác của Berkeley. Ông cho rằng điều này là do có sự kết hợp giữa liên tưởng và suy lý kinh nghiệm. Hai là những giải thích của nhà tâm lý học người Đức - Helm Holtz, khi ông tin rằng điều này có được dựa trên lý luận vô thức. Gần đây đã xuất hiện nhiều hơn các cách giải thích mới, một trong số đó dựa trên lý thuật xác suất Bayesian. Đó là một phương pháp suy luận được lựa chọn trong bối cảnh chưa rõ ràng, có thể lý giải cách xây dựng trên một mô hình dữ liệu cụ thể được chọn từ các giả thuyết loại trừ lẫn nhau. Về nhận thức tri giác mà nói, các quan điểm mới cho rằng, khi nhận thức tri giác hình thành về đối tượng là đã có những suy lý lý luận, đó đều là suy lý phù hợp với lý thuyết xác suất của Bayesian. Đây là mô hình hay là phương án xác suất Bayesian về nhận thức tri giác (Scholl: 2005, p.45). Theo mô hình này thì việc hình thành quá trình suy lý không thể tách rời nguyên tắc thiên phú. B. J. Scholl đưa ra nhận xét: "mô hình này chứng minh rằng làm thế nào để một nguyên tắc như vậy có thể tồn tại trong một cấu trúc hình ảnh tổng quát, cấu trúc này cũng chứa nhiều giả định và các loại thiên phú khác" (Scholl: 2005, p.47). "Trong khuôn khổ này, nguyên tắc và giả định thiên phú được coi là những ưu tiên hàng đầu". Ví dụ có một nguyên tắc thiên phú như vậy, thì giả định trên đầu có một nguồn sáng từ sự biến đổi hoặc sự sắp xếp giá trị có liên quan đến thực tiễn (Scholl: 2005, p.48-49).

4. Vấn đề cơ bản về lý luận thiên phú và tự nhiên hóa khái niệm thiên phú

Lý thuyết thiên phú mới không chỉ nhấn mạnh tính chất thực nghiệm, vấn đề thực tiễn, mà còn rất coi trọng những vấn đề cơ bản mang tính bản nguyên triết học trong nghiên cứu tâm linh thiên phú. Các nhà lý luận mới về thiên phú thừa nhận rằng đã có một sự khác biệt giữa tính hợp lý và sự bất hợp lý trong lý luận về thiên phú. Lý thuyết thiên phú bất hợp lý xuất phát từ lý do nền tảng của nó. Một cách hiệu quả để làm sáng tỏ tính bất hợp lý của lý thuyết

thiên phú là việc chúng ta hãy bắt đầu kiểm tra tính phi lý của chúng, xem xét nguồn gốc và biểu hiện của sự bất hợp lý đó là gì. Có một số quan điểm cho rằng, sự “kiên định” (staunch) lý thuyết thiên phú phải là như vậy. Nó được đặt trưng bởi sự nhấn mạnh vào gen (mô thức) quy định tất cả mọi thứ trước đó. Sự phát triển của nhận thức hoàn toàn được kiểm soát bởi gen. Bởi vì gen nhắm vào Module của các lĩnh vực chuyên môn hóa làm mục tiêu. Họ cũng cho rằng, ngay cả khi có một môi trường tốt cho nhận thức, thì cũng chỉ có tác dụng khơi gợi (Simpson: 2005, p.123). Lý thuyết này được sự ủng hộ của Karmiloff Smith và thường được thừa nhận là chính xác. Bởi vì nó dường như nắm bắt được trực giác của nhiều người đối với lý thuyết thiên phú và nó phù hợp với quan điểm thống trị của lý luận thiên phú, do đó nó được coi là cách để giải thích chính xác tiêu chuẩn thiên phú luận. Simpson tin rằng, sự thật hoàn toàn ngược lại và chúng ta không có lý do gì để nghĩ rằng nó như là một phương thức giải thích chính xác về thiên phú luận (Simpson: 2005, p.126). Điều đầu tiên cần làm rõ ở đây là: Chủ trương cốt lõi cuối cùng của tiêu chuẩn thiên phú luận là gì? Theo cách giải thích của riêng họ thì điều quan trọng đối với các nhà nghiên cứu thiên phú luận là các thuộc tính nhận thức đặc biệt (hoặc loại hình) là thiên phú, (Simpson: 2005, p.126) mà tính kiên định thiên phú luận đã không nắm được điều này.

Nghiên cứu loại hình thiên phú mới là công việc đặc sắc đối với việc tiến hành tự nhiên hóa khái niệm thiên phú. Rất nhiều người cho rằng, công việc này đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu thiên phú. Bởi vì ai cũng biết rằng, khái niệm thiên phú đã đi vào lĩnh vực của khoa học và triết học, nhưng chủ yếu vẫn là một thuật ngữ hàng ngày. Trong trường hợp này, nó giống như khái niệm tâm lý dân gian và tiến hành tự nhiên hóa lý luận, khái niệm thiên phú là khoa học, nghĩa là khái niệm này được thể hiện và được giải thích bằng thuật ngữ khoa học, sử dụng các thuật ngữ khoa học để biểu đạt và mô tả ý nghĩa của nó. Đương nhiên trong quá trình tự nhiên hóa sẽ có những khuynh hướng bất đồng và thậm chí là đối lập một cách rõ ràng. Hiện tại vẫn lưu hành phương thức tự nhiên hóa hơn là dùng di truyền, mã hóa thông tin, lập trình... để chứng minh thiên phú. Phương thức tự nhiên hóa có ảnh hưởng nhất là dựa vào thuật ngữ di truyền để giải thích thiên phú. P. Godfrey Smith đã tóm tắt về khuynh hướng này: “những phát biểu đầu tiên của mọi người về “nước” thực sự là H_2O . Tương tự như vậy, những gì chúng ta nói về thiên phú thực sự là sự mã hóa của di truyền” (Godfrey and Smith: 2007). Có ý kiến cho rằng, thiên phú đề cập đến thông tin quyết định di truyền. Phương thức tự nhiên hóa thứ hai cho rằng, thiên phú đề cập đến một bộ gen di truyền chuyên biệt có liên quan đến các khía cạnh cụ thể của nhận thức. Quan điểm thứ ba cho rằng, thiên phú đề cập đến những “thiết kế” của các khía cạnh nhận thức bằng cách chọn lọc tự nhiên. Quan điểm thứ tư cho rằng, thiên phú đề cập đến sự phát triển đầu tiên của các khía cạnh nhận thức, chúng bao gồm các cơ chế cụ thể.

Trong quá trình phân tích khái niệm thiên phú, cũng xuất hiện một xu hướng cấp tiến như vậy, tức nói rằng, thiên phú là một khái niệm phi khoa học, không phải là phương pháp tự nhiên, do đó cần phải từ bỏ. Cụ thể mà nói, khái niệm thiên phú chất đầy sự nhầm lẫn, được hình thành thông qua sự nhầm lẫn của nhiều khái niệm độc lập khác nhau. Một khái niệm như vậy không may đã gây tổn hại nghiêm trọng đến phát triển lý luận nhận thức. Đã như thế mà nó còn rất ít được sử dụng trong khoa học về nhận thức luận. Có một lý do khác khiến ông ta từ chối khái niệm thiên phú là, thiên phú là một khái niệm thường thức, còn được coi là khái niệm tiền khoa học, nền tảng của nó là sự thiếu hụt tính phản ánh của các khái niệm sinh vật học dân gian. Nó hòa trộn các thuộc tính khác nhau theo kinh nghiệm để khuyến khích mọi người suy luận phi pháp (Griffiths: 2002, p.81). Tóm lại là cần phải loại bỏ khái niệm thiên phú truyền thống.

Trong quá trình tự nhiên hóa, mọi người đa số vẫn không tán thành thuyết bãi bỏ, mà chủ trương nghiên cứu và thảo luận mối liên hệ giữa khái niệm khoa học và khái niệm thiên phú, giải thích lại và hiểu khái niệm thiên phú trên cơ sở của khoa học tự nhiên, cung cấp cho nó một cơ sở khoa học mới để có thể được chấp nhận. Ý kiến thứ nhất là lấy sinh vật học để làm ví dụ, tức là việc hiểu thiên phú phải dựa vào các thành tựu và nguyên tắc của sinh vật học. Hai là dựa vào di truyền, nghĩa là phân định gen di truyền. Ba là nhấn mạnh thiên phú như là một khái niệm dòng tộc hoặc tập hợp gia tộc, nhấn mạnh sự tập hợp rất nhiều thuộc tính các cá nhân độc lập, chẳng hạn như việc không được đi học mà được kế thừa, sinh ra đã có... Có nhiều phương án khác, chẳng hạn như của E. Sober đã sử dụng “tính bất biến” (invariance) để giải thích hoặc thay thế cho thiên phú. Quan điểm của ông có thể được thuật lại như sau: đối với một loại di truyền cụ thể, biểu hiện một mô hình đặc trưng là thiên phú, và những biểu hiện của mô hình đặc biệt này đều bất biến trong môi trường (Sober: 1988) theo ông, các đặc trưng như vậy có quy tắc phản ứng không đổi, nếu dùng tọa độ để biểu thị vai trò của môi trường thì sẽ xuất hiện một đường thẳng. Quan điểm này bị thách thức bởi hai phương diện: (i) nó không xác định rõ vai trò cụ thể của môi trường cũng như vạch rõ được phạm vi của môi trường. Nhưng ngay cả khi nó xác định được phạm vi tác động của môi trường, nó vẫn hải đối mặt với vấn đề tuần hoàn. Ví dụ, nếu môi trường bị giới hạn trên môi trường thống kê, thì đó chính vấn đề nó phải đối mặt, môi trường thực tế của di truyền là môi trường điển hình của chúng, và theo cách này thì nó sẽ làm cho tất cả các đặc trưng trở thành thiên phú. Mà thực sự thì không phải như vậy. Nếu chỉ thừa nhận những điển hình chỉ liên quan đến loài, thì sẽ có một vấn đề như vậy, một hình thái môi trường vô cùng trực quan điển hình cho các hình thái khác. (ii) dựa trên bất kỳ một hạn chế hợp lý nào về phạm vi môi trường, dường như đều có trực giác phi thiên phú, xuất hiện đặc trưng bất biến. Thử xem một ví dụ như sau, khi mọi người đều tin rằng bản thân họ có một cái mũi. Niềm tin này có được nhờ quá trình học tập, chính vì vậy đó không phải là thiên phú, Nhưng E. Sober cho rằng nó được xuất hiện trong một môi trường nhất định nên nó phải được coi là thiên phú. Nếu thực sự niềm tin này không phải là thiên phú thì lý thuyết của E. Sober đã sai (Margolis; Smamuels and Stich: 2011, p.323).

Kiểu kênh đào hình hướng hóa (Canalization) là một phương án thay thế được A. Anew đề xuất. Thuật ngữ này được mượn từ trong sinh vật học với ý nghĩa ban đầu là đặc trưng tương đối không có tính nhạy cảm với những biến động của gen và môi trường. Ông ví sự phát triển của sinh vật với hình tượng một quả bóng lăn tròn theo một rãnh trên dốc cát. Rãnh ở đây đặc trưng cho khả năng phát triển được quy định bởi gen của sinh vật. Một đặc trưng sơ dĩ xuất hiện là do được quy định bởi các rãnh cố định của gen. Nếu yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến đặc trưng thì khi đó yếu tố môi trường sẽ được coi như là các rãnh hay là các kênh rạch quyết định đặc trưng. Dựa vào sự so sánh này A. Anew cho rằng có thể dùng kênh, rãnh môi trường như vậy để giải thích rõ về thiên phú: một đặc trưng là thiên phú, bởi vì kiểu gen đã đạt đến trình độ mà sự phát triển của nó không có sự nhạy cảm với một loạt các điều kiện môi trường (Hard: 1999, p.128).

5. Quan điểm mới của chủ nghĩa tâm lý nguyên thủy và triết học tâm linh

Trong quan điểm của chủ nghĩa tự nhiên, thuật ngữ thiên phú không những không có các đặc điểm định lượng theo yêu cầu của khoa học, mà ngay cả khi nó có các đặc điểm định tính thì nó vẫn không được xem là rõ ràng và chính xác. Trong trường hợp này, rõ ràng không phù hợp để coi nó là một đối tượng để nghiên cứu. Với quan điểm này, nhiều người cho rằng, để thực hiện nghiên cứu tâm linh thiên phú theo con đường khoa học thì bắt buộc

phải xác định rõ đối tượng nghiên cứu. Theo ý tưởng này thì chủ nghĩa tâm lý nguyên thủy (primitivism) trở nên nổi bật. Những người ủng hộ nó bao gồm F. Cowie và Samuel Smiles cùng một số người khác. Lý thuyết này khác với mô hình kênh đào hình hóa của A. Anew, bởi vì A. Anew mô tả đặc trưng thiên phú theo cách tích cực dựa trên cách họ làm thế nào để có được, trong khi đó chủ nghĩa tâm lý nguyên thủy miêu tả chúng theo cách tiêu cực là dựa vào cách mà họ không có được thiên phú. Nó nhấn mạnh rằng các đặc trưng thiên phú không phải do học tập mà có. Nó xuất hiện từ nguyên thủy, nguyên thủy đã có nó, tức là từ bản nguyên. Chỉ cần đặc trưng tâm lý không đạt được thông qua quá trình diễn tiến tâm lý thì có thể xem là thiên phú. Phát biểu sớm nhất của chủ nghĩa nguyên thủy Samuel Smiles là: “một cấu trúc tâm lý là thiên phú khi và chỉ khi nó từ nguyên thủy trên quan điểm tâm lý học”. Từ lời giải thích rằng, các đặc trưng ban đầu chỉ được lý giải bởi khoa học sinh học, không thể dùng tâm lý để lý giải (Samuels: 2010, p.246). Do quy định này đã nhận được quá nhiều lời chất vấn, về sau Samuel Smiles đã thực hiện quá trình cải tiến, biểu hiện của nó là làm nổi bật “trạng thái bình thường”. Ông ta nói: “một cấu trúc tâm lý đối với kiểu gen là thiên phú, khi và chỉ khi nó là một cấu trúc nguyên thủy trong tâm lý học, ... là đại được trong quá trình bình thường của sự kiện” (Samuels: 2010, p.259).

Chủ nghĩa nguyên thủy của Samuel Smiles có nhiều ảnh hưởng trong thời đại ngày nay. Nó là một phương án tự nhiên hóa của khoa học nhận thức để đề xuất thuyết bãi bỏ khái niệm. Ông không chỉ thừa nhận lý luận thiên phú trong quá khứ sẽ bao gồm các thiên phú khác nhau, thậm chí những hiểu biết và định nghĩa còn chứa đựng mâu thuẫn, mà còn thực hiện việc châu chuốt và quy nạp: (1) thiên phú để cập đến một cái gì đó có thể được giải thích bằng tiến hóa. (2) nó là nền tảng và là cầu nối cho sự phát triển của hậu thiên. (3) là một thứ phổ quát mang tính chung chung trong con người. (4) sinh ra thì có nó. (5) đạt được nó mà không thông qua quá trình học tập. Samuel Smiles tin rằng định ý này sẽ chứng minh cho sự tồn tại của thiên phú, nhưng những gì được khẳng định chỉ có mối quan hệ giữa nhận thức với thiên phú mà không có mối quan hệ cấu thành. Sự hiểu biết và định nghĩa về bản chất thiên phú là cho thấy mối quan hệ giữa các thuộc tính và cấu thành của tâm linh thiên phú. Đối với câu hỏi hỏi thiên phú là gì, ông ta trả lời rằng: trong bối cảnh nhận thức khoa học, thiên phú chỉ đến các thuộc tính nền tảng của nhận thức, nó xuất hiện trong trạng thái bình thường của kiểu gen (Samuels: 2007, p.17-20).

6. Kết luận

Tâm linh thiên phú không còn là những câu hỏi mang tính khẩu hiệu trống rỗng mà thực tế nhiều nghiên cứu đã khẳng định tâm linh thiên phú có những tiêu chí rất cụ thể. Khoa học tâm linh đang từng bước vén bức màn vô minh giúp chúng ta hiểu ra những vấn đề tiên khởi của tâm lý, tức là những gì có trước cuộc sống của chúng ta - nền tảng cho sự phát triển tâm lý con người. Tuy nhiên, cần nhận thức được rằng, tâm linh thiên phú không giống với những nghiên cứu khoa học thuần túy như khoa học nhận thức hoặc triết học tâm linh bởi các nguyên tắc của nhận thức khoa học coi tâm linh thiên phú là một chiếc máy (như máy vi tính hoặc robot). Hiện nay, nghiên cứu tâm linh thiên phú không còn phụ thuộc vào các phạm trù nhận thức luận mà đang dần trở thành một triết học riêng biệt. Các nghiên cứu ở Anh - Mỹ đang dần tạo lập cho tâm linh thiên phú những nền tảng vững chắc và trở nên phổ biến đối với chủ nghĩa tự nhiên hoặc tự nhiên hóa, mang lại nhiều giá trị quan trọng trong nghiên cứu lý luận và trao đổi học thuật triết học đương đại ngày nay.

Tài liệu tham khảo

- Carruthers, P., Laurence, S. and Stich, S. P. (2005). *The innate mind: Structure and contents*. Oxford University Press, Vol 1.
- Carruthers, P., Laurence, S., Stich, S. P. (2007). *The innate mind: Structure and contents*. Oxford University Press, Vol 3.
- Flangan, O. (2006). *Varieties of naturalism*. Wain-wringht, William J. Oxford handbook of philosophy of religion, Oxford university Press.
- Godfrey-Smith, P. (2007). *Theory and Reality: An Introduction to the Philosophy of Science*. University of Chicago.
- Greene, L. (2005). *The Innate Mind: Structure and Contents* (eds. S. Laurence, P. Carruthers, and S. Stich). Oxford University Press, New York.
- Griffiths, P. (2002). What is innateness. *The monist*, No.85.
- Hard, V. G. (1999). *Where Biology Meets Psychology: Philosophical Essays*. Cambridge: Mit Press, 1999: 128.
- Harper, D. (2021). Naturalism, online etymology dictionary. Truy xuất từ <http://www.dictionary.com/browse/naturalism>, ngày 01/04/2022. <https://doi.org/10.1093/acprof:oso/-9780195179675.003.0003>
- King, J. C. (1994). Can propositions be naturalistically acceptable. *Midwest studies in philosophy*, No. 19.
- Margolis, E., Smamuels, R. and Stich, S. P. (2011). *The oxford handbook of philosophy of cognitive science*. Oxford University Press.
- Margolis, E., Smamuels, R. and Stich, S. P. (2012). *The Emergence of Meaning*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511842863>
- Putnan, H. (2006). *What is innate and why: comments on the debate*. Cambridge: Mit Press.
- Samuels, R. (2007). Is innateness a confused concept. *The innate mind*, 3, 17-36.
- Samuels, R. (2010). Nativism in cognitive science. *Mind and luanguage*, (17):233-265.
- Scholl, B. J. (2005). *Innateness and (Bayesian) Visual Perception: Reconciling Nativism and Development*. In P. Carruthers, S. Laurence, & S. Stich (Eds.), *The innate mind: Structure and contents* (pp. 34–52). Oxford University Press.
- Sellars, W. (1963). *Science, perception, and reality*. London: Routledge and Kegan Paul.
- Simpson, T., Carruthers, P., Laurence, S. P. (2005). *The innate mind: Structure and contents*. Oxford University Press, Vol 1.
- Sober, E. (1988). Apportioning causal reponsibility. *Journal of philosophy*, No.85.